

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 5 - CẦN THƠ
THÀNH PHỐ CẦN THƠ**

Bản án số: 16/2025/DS-ST

Ngày 01-8-2025.

V/v Tranh chấp hợp đồng vay tài sản

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 5 – CẦN THƠ, THÀNH PHỐ CẦN THƠ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Huỳnh Thị Bích Tuyền.

Các Hội thẩm nhân dân:

- Ông Hà Văn Châu
- Ông Đào Khel

- Thư ký phiên tòa: Bà Văn Ngọc Hân là Thư ký Tòa án nhân dân Khu vực 5 – Cần Thơ, Thành phố Cần Thơ.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 5 – Cần Thơ, Thành phố Cần Thơ tham gia phiên tòa: Bà Đồ Ngọc Tuyền - Kiểm sát viên.

Trong ngày 01 tháng 8 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân Khu vực 5 – Cần Thơ, Thành phố Cần Thơ xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 470/2024/TLST-DS ngày 06 tháng 11 năm 2024 về tranh chấp hợp đồng vay tài sản theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 275/2025/QĐXXST-DS ngày 26 tháng 6 năm 2025 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Khuru Thị Diệu H, sinh ngày 29/10/1981.

Địa chỉ: Số B N, phường P, Thành phố Cần Thơ

2. Bị đơn: Bà Lâm Thị C (vắng mặt).

Địa chỉ: Số B đường N, phường P, Thành phố Cần Thơ.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ông Trương Minh H1, sinh ngày 20/8/1977.

Địa chỉ: Số B N, phường P, Thành phố Cần Thơ.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ông Nguyễn Khánh T, sinh ngày 10/4/1976 (có mặt). Địa chỉ: Số E đường P, phường P, Thành phố Cần Thơ.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Tại đơn khởi kiện ngày 08 tháng 7 năm 2024 của nguyên đơn bà Khuru Thị Diệu H, quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn ông Nguyễn Khánh T trình bày:

Bà Khuru Thị Diệu H và bà Lâm Thị C quen biết nhau từ lâu nên bà H có cho bà C vay tiền 02 lần, cụ thể:

+ Ngày 13/02/2023 bà H cho bà C vay số tiền 1.000.000.000 đồng, thời hạn vay 01 năm, lãi suất cho vay tự thỏa thuận là 20%/năm, tiền nợ gốc trả vào ngày 13/02/2024, tiền lãi trả hàng tháng.

+ Ngày 23/02/2023 bà H cho bà C vay số tiền 500.000.000 đồng, thời hạn vay 01 năm, lãi suất cho vay tự thỏa thuận là 20%/năm, tiền nợ gốc trả vào ngày 23/02/2024, tiền lãi trả hàng tháng.

02 bên thỏa thuận khi giao nhận tiền vay thì chuyển tiền vào tài khoản của bà Lâm Thị C số 7601205061460 mở tại Ngân hàng N. Khi hai bên giao dịch vay tiền thì có làm văn bản, bà C có ký vào tờ thỏa thuận vay tiền ngày 13/02/2023 để vay số tiền 1.000.000.000 đồng và bà H đã chuyển cho bà C 04 lần, cụ thể:

+ Lần 1 vào lúc 07 giờ 27 phút ngày 14/02/2023 chuyển 200.000.000 đồng vào số tài khoản 7601205061460 mở tại Ngân hàng N.

+ Lần 2 vào lúc 12 giờ 39 phút ngày 14/02/2023 chuyển 300.000.000 đồng vào số tài khoản 7601205061460 mở tại Ngân hàng N.

+ Lần 3 vào lúc 12 giờ 41 phút ngày 14/02/2023 chuyển 400.000.000 đồng vào số tài khoản 7601205061460 mở tại Ngân hàng N.

+ Lần 4 vào lúc 08 giờ 24 phút ngày 15/02/2023 chuyển 100.000.000 đồng vào số tài khoản 7601205061460 mở tại Ngân hàng N.

Đến ngày 23/02/2023 bà C tiếp tục ký văn bản thỏa thuận vay của bà H số tiền 500.000.000 đồng và cùng ngày 23/02/2023 vào lúc 13 giờ 42 phút bà H chuyển 499.000.000 đồng cho bà C vào số tài khoản số 7601205061460 của bà C tại Ngân hàng N và đến 13 giờ 44 phút ngày 23/02/2023 bà H chuyển 1.000.000 đồng cho bà C vào tài khoản số 7601205061460 của bà C tại Ngân hàng N.

Như vậy, ngày 13/02/2023 bà H cho bà C vay 500.000.000 đồng và ngày 23/02/2023 bà H tiếp tục cho bà C vay số tiền 1.000.000.000 đồng, tổng cộng là 1.500.000.000 đồng nhưng đến hạn bà C không trả tiền vốn và tiền lãi cho bà H như thỏa thuận.

Nay bà Khuru Thị Diệu H yêu cầu Tòa án giải quyết: Buộc bà Lâm Thị C trả cho bà Khuru Thị Diệu H số tiền 1.500.000.000 đồng và tiền lãi với mức lãi suất 20%/năm. Thời hạn tính lãi tạm tính từ ngày 24/02/2023 đến 08/7/2024 là 410.850.000 đồng. Tổng cộng tiền vốn và tiền lãi là 1.910.850.000 đồng.

Tại phiên tòa người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn ông Nguyễn Khánh T xin thay đổi một phần yêu cầu khởi kiện cụ thể yêu cầu bà C trả như sau: tiền gốc là 1.500.000.000 đồng và tiền lãi tính lãi suất 10%/năm tính từ ngày 24/02/2024 đến ngày xét xử sơ thẩm 01/8/2025 là 365.687.000 đồng. Tổng cộng vốn và lãi là 1.865.687.000 đồng.

** Bị đơn bà Lâm Thị C từ khi tòa án thụ lý vụ án đến nay đều vắng mặt nên không ghi nhận được ý kiến gì:*

- *Tại phiên tòa Kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 5 – Cần Thơ trình bày ý kiến:* Trong quá trình giải quyết vụ án Thẩm phán được phân công giải quyết vụ án đã tiến hành các thủ tục tố tụng đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự như: Xác định đúng thẩm quyền thụ lý vụ án, quan hệ pháp luật tranh

chấp, xác định đúng tư cách tham gia tố tụng của các đương sự, việc thu thập chứng cứ đúng theo quy định. Về thời hạn chuẩn bị xét xử được đảm bảo theo quy định. Về thời hạn gửi hồ sơ cho Viện kiểm sát nghiên cứu, việc cấp tổng đạt đảm bảo đúng theo quy định. Tại phiên Tòa Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng các quy định của pháp luật về phiên tòa sơ thẩm. Nguyên đơn thực hiện đúng theo quy định tại các điều 68; 70; 71; 72; 86 và Điều 234 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, bị đơn không thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án qua thẩm tra các chứng cứ và kết quả tranh tụng tại phiên tòa đề nghị Hội đồng xét xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Những tình tiết sự kiện không phải chứng minh theo quy định tại khoản 2 Điều 92 của Bộ luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn cung cấp bản chính hai giấy vay tiền ngày 13/02/2023 và 23/02/2023. Bị đơn không phản đối tình tiết, sự kiện, tài liệu mà nguyên đơn đưa ra.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét toàn diện các tài liệu chứng cứ và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Tại phiên tòa bị đơn bà Lâm Thị C đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do, Hội đồng xét xử căn cứ vào quy định tại Khoản 2, Điều 227 và Khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn Chuôi.

[1.2] Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn bà Lâm Thị C trả tiền vay, bị đơn bà C có nơi cư trú tại số B đường N, khóm C, phường C, thành phố S, tỉnh Sóc Trăng (nay là phường P, Thành phố Cần Thơ). Theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Khu vực 5 – Cần Thơ.

[1.3] Tại phiên tòa người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn ông Nguyễn Khánh T xin thay đổi một phần yêu cầu khởi kiện cụ thể yêu cầu bà C trả như sau: Tiền gốc là 1.500.000.000 đồng và tiền lãi tính lãi suất 10%/năm tính từ ngày 24/02/2024 đến ngày xét xử sơ thẩm 01/8/2025 là 365.687.000 đồng. Tổng cộng vốn và lãi là 1.865.687.000 đồng. Xét thấy, việc thay đổi một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là tự nguyện, không vượt quá phạm vi yêu cầu khởi kiện ban đầu phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 244 của Bộ luật tố tụng dân sự nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[2] Về nội dung: Theo các tình tiết, sự kiện không phải chứng minh và tài liệu do nguyên đơn cung cấp, căn cứ khoản 2 Điều 92; khoản 1 Điều 95 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử công nhận trên thực tế giữa bà Khuru Thị Diêu H và bà Lâm Thị C có giao kết hợp đồng vay tài sản ngày 23/02/2023 theo đó bà H cho bà C vay số tiền 500.000.000 đồng, thời hạn trả là 01 năm đến ngày 23/02/2024 sẽ trả vốn, tiền lãi sẽ thanh toán vào ngày 23 hàng tháng, nhưng không rõ lãi suất, bà H đã giao đủ tiền cho bà C bằng hình thức chuyển khoản và hợp đồng vay tài sản ngày 13/02/2023 bà H cho bà C vay số tiền 1.000.000.000 đồng, thời hạn trả

nợ gốc là 13/3/2024, thỏa thuận trả lãi hàng tháng, nhưng không rõ lãi suất bà H đã giao đủ tiền cho bà C bằng hình thức chuyển khoản. Cả hai lần cho vay tiền đều có làm biên nhận viết tay. Sau khi vay bà C không đóng lãi, cũng không trả vốn khi đến hạn. Do đó, nguyên đơn H yêu cầu bị đơn Chuôi trả lại số tiền vốn vay 1.500.000.000 đồng là có căn cứ, được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3] Về yêu cầu tính lãi: Nguyên đơn cho rằng, mặc dù trong biên nhận không có thỏa thuận lãi suất cụ thể nhưng các bên có thỏa thuận bằng lời nói, tiền lãi 20%/năm, tuy nhiên tại phiên tòa nguyên đơn chỉ yêu cầu tính lãi suất là 10%/năm. Xét thấy, theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015 “trường hợp các bên có thỏa thuận về việc trả lãi, nhưng không xác định rõ lãi suất và có tranh chấp về lãi suất thì lãi suất được xác định bằng 50% mức lãi suất giới hạn quy định tại khoản 1 Điều này (10%/năm, lãi 0,83%/tháng) tại thời điểm trả nợ”. Vì vậy, nguyên đơn yêu cầu tính lãi với lãi suất 10%/năm từ ngày 24/02/2024 đến ngày xét xử sơ thẩm 01/8/2025 là 2 năm 05 tháng 08 ngày x 1.500.000.000 đồng x 0.83%/tháng = 365.687.000 đồng là có căn cứ được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Như vậy tổng số tiền vốn và lãi bị đơn có nghĩa vụ thanh toán cho nguyên đơn là 1.865.687.000 đồng trong đó vốn 1.500.000.000 đồng và tiền lãi là 365.687.000 đồng.

[5] Như đã phân tích nêu trên, lời đề nghị của kiểm sát viên về nội dung vụ án là có căn cứ nên được chấp nhận.

[6] Về án phí dân sự sơ thẩm: Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Khuru Thị Diệu H được chấp nhận nên nguyên đơn không phải chịu án phí. Bị đơn bà Lâm Thị C phải chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với phần có nghĩa vụ thanh toán cho nguyên đơn.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 5, Khoản 3 Điều 26, Điểm a Khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 2 Điều 92, khoản 1 Điều 95; Điều 147; khoản 1 Điều 244, khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 271; khoản 1 Điều 273 và Khoản 1 Điều 280 Bộ luật tố tụng dân sự;

Áp dụng: Điều 463, Điều 466; khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự 2015; Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Khuru Thị Diệu H. Buộc bị đơn bà Lâm Thị C có nghĩa vụ thanh toán cho bà Khuru Thị Diệu H số tiền tổng cộng: 1.865.687.000 đồng trong đó vốn 1.500.000.000 đồng và tiền lãi là 365.687.000 đồng.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản

tiền lãi của số tiền phải thi hành án theo mức lãi suất tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015 tương ứng với thời gian chưa thi hành án.

2. Án phí dân sự sơ thẩm:

2.1. Nguyên đơn bà Khuru Thị Diệu H không phải chịu hoàn trả cho nguyên đơn bà Khuru Thị Diệu H số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 34.662.750 đồng theo biên lai thu tiền số 0002169 ngày 24/10/2024 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng (nay là Phòng thi hành án dân sự Khu vực 5 – Cần Thơ).

2.2. Bị đơn bà Lâm Thị C phải chịu án phí dân sự sơ thẩm số tiền 67.970.610 đồng.

3. Các đương sự được quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

4. Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 7a,7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND KV5-CT;
- Phòng THADS KV5-CT;
- TAND TPCT;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Huỳnh Thị Bích Tuyền

